

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG**

Đợt thi ngày 07/05/2023

*(Ban hành kèm theo QĐ số 315/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 18 tháng 05 năm 2023
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)*

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				TỔNG ĐIỂM	Kết quả	Số vào sổ
									ĐỌC	VIẾT	NGHE	NÓI			

I. TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ A2

1	TA38	Lạc Thanh	Tâm	10/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	D-NNTQ 11A	21D0059NTQ	153	140	134	102	132	A2	A0548
2	TA51	Thân Thị Kiều	Trang	05/01/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11B	21D0088NTQ	140	120	129	130	130	A2	A0549
3	TA53	Nguyễn Văn	Tú	24/07/1999	Bắc Giang	Nam	D- KETOAN 7A	17DKT0390	150	140	152	113	139	A2	A0550
4	TA55	Trịnh Công	Vinh	16/10/1997	Hải Phòng	Nam	D- THUY 6C	16DTY0519	153	148	148	102	138	A2	A0551

III. TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ B1

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				TỔNG ĐIỂM	Kết quả	Số vào sổ
									ĐỌC	VIẾT	NGHE	NÓI			
1	TA01	Đỗ Minh	Anh	11/12/2003	Thái Bình	Nữ	D-NNTQ 11A	21D0038NTQ	153	154	170	153	158	B1	B100055
2	TA02	Hoàng Ngọc	Ánh	20/06/2003	Lạng Sơn	Nữ	D-NNTQ 11A	21D0039NTQ	147	135	152	144	145	B1	B100056
3	TA03	Lê Ngọc	Ánh	29/12/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11A	21D0040NTQ	157	152	148	151	152	B1	B100057
4	TA04	Nguyễn Thị	Bích	14/02/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11B	21D0065NTQ	153	135	144	153	146	B1	B100058
5	TA05	Trần Thị	Bưu	17/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	D-NNTQ 11A	21D0041NTQ	157	140	152	147	149	B1	B100059
6	TA06	Nông Thị	Chang	21/06/2002	Lạng Sơn	Nữ	D-NNTQ 11A	21D0042NTQ	157	142	152	147	149	B1	B100060
7	TA07	Nguyễn Tiến	Chung	25/02/2002	Bắc Giang	Nam	D-THUY 10A	20D0610THY	160	138	148	113	140	B1	B100061
8	TA08	Hà Bình	Dương	29/03/2003	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 11B	21D0067NTQ	157	135	152	116	140	B1	B100062
9	TA09	Nguyễn Đức	Đăng	16/02/2002	Bắc Giang	Nam	D-QLDD10A	20D0471QLD	147	144	152	116	140	B1	B100063
10	TA10	Bùi Thị	Hà	09/02/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11B	21D0068NTQ	160	144	156	120	145	B1	B100064
11	TA11	Hoàng Như	Hạnh	11/02/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11B	21D0069NTQ	160	152	170	149	158	B1	B100065

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				TỔNG ĐIỂM	Kết quả	Số vào sổ
								ĐỌC	VIẾT	NGHE	NÓI			
12	TA12	Nguyễn Thị Hạnh	04/07/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11B	21D0070NTQ	157	158	152	149	154	B1	B100066
13	TA13	Nguyễn Thị Hào	25/09/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11B	21D0071NTQ	160	144	156	130	148	B1	B100067
14	TA14	Nguyễn Quang Hiếu	26/10/2003	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 11A	21D0046NTQ	153	140	160	106	140	B1	B100068
15	TA16	Nguyễn Huy Hoàng	03/04/2003	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 11A	21D0047NTQ	147	138	156	144	146	B1	B100069
16	TA17	Trần Thị Hương	15/08/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0016NTQ	150	120	165	123	140	B1	B100070
17	TA18	Giáp Thúy Hường	11/05/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11A	21D0048NTQ	153	146	165	144	152	B1	B100071
18	TA19	Ngô Duy Khải	01/05/2001	Bắc Giang	Nam	D-KINHTE 10A	20D0039KTE	150	144	152	113	140	B1	B100072
19	TA20	Linh Ngọc Khanh	19/02/2001	Lạng Sơn	Nam	D-QLDD 10A	20D047QLD	150	138	144	127	140	B1	B100073
20	TA21	Lê Văn Kiên	30/08/2002	Bắc Giang	Nam	D-THUY 10A	20D0056CNU	160	135	152	113	140	B1	B100074
21	TA22	Nguyễn Hồng Liên	23/02/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN 10A	20D0485KTO	160	130	152	116	140	B1	B100075
22	TA23	Dương Thị Ngọc Linh	08/11/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11B	21D0073NTQ	160	135	152	133	145	B1	B100076
23	TA24	Lại Thị Linh	29/04/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11A	21D0049NTQ	157	144	152	123	144	B1	B100077
24	TA25	Nguyễn Thảo Linh	08/11/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11B	21D0074NTQ	167	148	156	133	151	B1	B100078
25	TA26	Phạm Thị Thảo Linh	06/02/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11B	21D0075NTQ	163	140	156	142	150	B1	B100079
26	TA27	Nguyễn Hà Cẩm Ly	22/06/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11A	21D0051NTQ	157	150	160	133	150	B1	B100080
27	TA28	Thân Thế Nam	27/11/2003	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 11B	21D0078NTQ	157	135	160	127	145	B1	B100081
28	TA29	Trần Thân Phương Nam	30/10/2003	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 11B	21D0077NTQ	157	160	160	140	154	B1	B100082
29	TA30	Vũ Hoài Nam	23/11/2003	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 11A	21D0052NTQ	157	128	156	123	141	B1	B100083
30	TA31	Phạm Thúy Nga	07/12/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11A	21D0053NTQ	160	130	160	123	143	B1	B100084
31	TA32	Nguyễn Thị Ngà	18/11/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11A	21D0054NTQ	160	133	160	127	145	B1	B100085
32	TA33	Vì Đức Nguyên	20/01/2002	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 11B	21D0080NTQ	150	135	148	127	140	B1	B100086
33	TA34	Hoàng Thị Nguyệt	15/10/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11A	21D0055NTQ	160	130	152	137	145	B1	B100087
34	TA35	Vì Thị Nhi	20/12/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11A	21D0056NTQ	157	135	152	140	146	B1	B100088
35	TA36	Nguyễn Thị Phương	18/06/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11A	21D0057NTQ	157	135	152	142	146	B1	B100089
36	TA37	Phùng Thị Như Quỳnh	09/03/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11A	21D0058NTQ	153	148	148	144	148	B1	B100090
37	TA39	Khổng Thị Thanh	27/07/2003	Bắc Ninh	Nữ	D-NNTQ 11B	21D0084NTQ	150	146	140	123	140	B1	B100091
38	TA40	Nguyễn Thị Minh Thanh	10/06/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11B	21D0083NTQ	143	152	140	123	140	B1	B100092

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				TỔNG ĐIỂM	Kết quả	Số vào sổ
								ĐỌC	VIẾT	NGHE	NÓI			
39	TA41	Nguyễn Văn Thành	26/06/2003	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 11A	21D0060NTQ	140	152	137	130	140	B1	B100093
40	TA42	Nguyễn Văn Thành	08/09/2001	Bắc Giang	Nam	D- THUY 9A	19DTY0602	138	146	148	127	140	B1	B100094
41	TA43	Dương Thị Phương Thảo	29/03/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11B	21D0086NTQ	160	152	140	137	147	B1	B100095
42	TA44	Lê Thị Phương Thảo	13/10/1998	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP 6A	16DCNTP0143	160	152	137	137	146	B1	B100096
43	TA45	Nguyễn Thanh Thảo	06/03/2003	Lạng Sơn	Nữ	D-NNTQ 11B	21D0085NTQ	153	144	148	133	145	B1	B100097
44	TA46	Trần Văn Thiệp	15/10/2003	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 11A	21D0061NTQ	157	150	144	130	145	B1	B100098
45	TA47	Nguyễn Thị Thoa	21/11/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11A	21D0062NTQ	153	130	148	127	140	B1	B100099
46	TA48	Hoàng Thị Thúy	08/01/2001	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11B	21D0087NTQ	157	150	144	149	150	B1	B100100
47	TA49	Nguyễn Thị Thanh Thúy	12/01/2003	Bắc Ninh	Nữ	D-NNTQ 11A	21D0063NTQ	153	130	140	144	142	B1	B100101
48	TA50	Nguyễn Quỳnh Trang	25/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	D-NNTQ 11A	21D0064NTQ	160	146	148	147	150	B1	B100102
49	TA52	Nguyễn Tiến Trung	05/05/1999	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 11B	21D0089NTQ	157	152	148	140	149	B1	B100103
50	TA54	Nguyễn Anh Tuấn	06/01/2003	Đắk Lắk	Nam	D-NNTQ 11B	21D0090NTQ	150	150	148	137	146	B1	B100104
51	TA56	Nguyễn Thị Yên	25/10/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11B	21D0092NTQ	157	148	148	133	147	B1	B100105

Tổng số thí sinh theo danh sách: 55./.